TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phong

Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHo6nthụ lý số: 213/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Chị Giàu có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày:

Tôi và anh Trần Quốc T qua tìm hiểu, quen biết nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và kết hôn với nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 02/3/2022. Trong thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022. Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính

tình không hợp nhau làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

* Bị đơn anh Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị G về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh T không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc G.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn với anh Trần Quốc T. Chị G không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Giao con chung Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" bị đơn anh Trần Quốc T có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay

là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Giàu C đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt. Việc anh Thanh vắng M không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị G, anh T là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét thấy, chị Lê Thị Ngọc G và anh Trần Quốc T có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày ngày 02/3/2022 là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Lê Thị Ngọc G và anh Trần Quốc T sống chung hạnh phúc có một con chung Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Tại văn số 16/CAX ngày 30/7/2025 của Công an xã T về xác nhận nơi cư trú có nội dung đương sự Trần Quốc T, sinh năm 1989 có đăng ký thường trú tại 3/3, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long hiện anh T có mặt và sinh sống tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2025 bà Nguyễn Thị C1 là mẹ ruột của anh Trần Quốc T cho biết hiện nay chị G và con chung Trần Hồng B đang sống với chị G tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay xã C, tỉnh Vĩnh Long). Bà C1 không biết rõ về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh T, các thông báo của Tòa án được cha ruột của anh T là ông Trần Văn L nhận thay và có thông báo cho anh T biết, anh T biết chị G yêu cầu ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy báo cho anh Trần Quốc T, nhưng anh T không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu khởi kiện của chị G. Như vậy, cho thấy anh Trần Quốc T biết việc chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án theo nội dung đã thông báo, triệu tập chứng tỏ anh Trần Quốc T không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc G và anh Trần Quốc T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Ngọc G yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022 tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang sống với với mẹ tại xã C, tỉnh Vĩnh Long. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định và nhằm để

phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, cũng như đảm bảo quyền lợi chính đáng của trẻ em dưới 36 tháng tuổi cần giao con chung cho chị Lê Thị Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp đúng quy định của pháp luật. Chị G không yêu cầu anh Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc G trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc G không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G. Chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn với anh Trần Quốc T

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Chị Lê Thị Ngọc G và anh Trần Quốc T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Hồng B, sinh ngày 09/10/2022. Chị G không yêu cầu anh Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc G trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011020 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT)
- VKS nhân dân khu vực 9;
- Phòng THA DS khu vực 9;
- UBND xã Thạnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương